

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-304 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-304 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

Case No. Số Vụ	<input type="text"/>	EX PARTE DOMESTIC VIOLENCE ORDER OF PROTECTION LỆNH BẢO VỆ VÌ BẢO LỰC GIA ĐÌNH ĐƠN PHƯƠNG	G.S. 50B-2, -3, -3.1 G.S. 50B-2, -3, -3.1
Court	General Court of Justice District Court Division		
Tòa án	Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý Phân Bộ Tòa Án Khu Vực		
County Quận/hạt	<input type="text"/> NORTH CAROLINA NORTH CAROLINA		

PETITIONER/PLAINTIFF NGƯỜI NỘP ĐƠN/NGUYÊN ĐƠN	PETITIONER/PLAINTIFF IDENTIFIERS THÔNG TIN NHẬN DIỆN NGƯỜI NỘP ĐƠN/NGUYÊN ĐƠN
<input type="text"/>	<input type="text"/>
First Tên	Date Of Birth Of Petitioner, (mm/dd/yyyy) Ngày sinh của nguyên đơn (tháng/ngày/năm)
Middle Chữ lót	
Last Họ	

And/or on behalf of minor family member(s): (List Name And DOB (mm/dd/yyyy)) Và/hoặc thay mặt cho (các) trẻ chưa thành niên trong gia đình: (Liệt kê tên họ và ngày sinh (tháng/ngày/năm))	Other Protected Persons/DOB (mm/dd/yyyy): Những người cần được bảo vệ khác/Ngày sinh (tháng/ngày/năm):																
<table border="1"><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr></table>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<table border="1"><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr></table>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																

**VERSUS
KIẾN**

RESPONDENT/DEFENDANT BỊ ĐƠN/BỊ CÁO	RESPONDENT/DEFENDANT IDENTIFIERS THÔNG TIN NHẬN DIỆN BỊ ĐƠN/BỊ CÁO															
<input type="text"/>	<table border="1"><tr><td>Sex Giới tính</td><td>Race Chủng tộc</td><td>DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)</td><td>HT Chiều cao</td><td>WT Trọng lượng</td></tr><tr><td>Eyes Màu mắt</td><td>Hair Màu tóc</td><td colspan="3">Social Security Number Số an sinh xã hội</td></tr><tr><td>Drivers License No. Số bằng lái</td><td>State Tiểu bang</td><td colspan="3">Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)</td></tr></table>	Sex Giới tính	Race Chủng tộc	DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	HT Chiều cao	WT Trọng lượng	Eyes Màu mắt	Hair Màu tóc	Social Security Number Số an sinh xã hội			Drivers License No. Số bằng lái	State Tiểu bang	Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)		
Sex Giới tính	Race Chủng tộc	DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	HT Chiều cao	WT Trọng lượng												
Eyes Màu mắt	Hair Màu tóc	Social Security Number Số an sinh xã hội														
Drivers License No. Số bằng lái	State Tiểu bang	Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)														
Relationship to Petitioner: <input type="checkbox"/> spouse <input type="checkbox"/> former spouse Quan hệ với nguyên đơn: <input type="checkbox"/> vợ/chồng <input type="checkbox"/> trước đây là vợ/chồng	Distinguishing Features Đặc điểm nhận diện															
<input type="checkbox"/> unmarried, of opposite sex, currently or formerly living together người khác giới đã hay đang chung sống với nguyên đơn mà không có giấy hôn thú	<input type="text"/>															
<input type="checkbox"/> unmarried, have a child in common có con chung mà không có giấy hôn thú																
<input type="checkbox"/> of opposite sex, currently or formerly in dating relationship người khác giới đã hay đang hẹn hò với nguyên đơn																
<input type="checkbox"/> current or former household member người đã hay đang sống chung gia hộ																
<input type="checkbox"/> parent <input type="checkbox"/> grandparent <input type="checkbox"/> child <input type="checkbox"/> grandchild phụ huynh ông/bà con cháu																
Respondent's/Defendant's Address Địa chỉ của bị đơn/bị cáo																
<input type="text"/>																
CAUTION: CẢNH CÁO: <input type="checkbox"/> Weapon Involved Có liên quan đến vũ khí nguy hiểm																

(Over)
(Xem mặt sau)

THE COURT HEREBY FINDS THAT:

TÒA ÁN NÀY XÁC NHẬN RẰNG:

This matter was heard by the undersigned district court judge. magistrate. The court has jurisdiction over the subject matter. Vụ này được đem ra xét xử trước người ký tên dưới đây, là Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực. Quan Tòa. Tòa Án này có thẩm quyền xét xử đối với nội dung vụ án này.

Additional findings of this order are set forth on Page 2. Các xác nhận khác liên quan đến lệnh này được ghi ở trang 2.

THE COURT HEREBY ORDERS THAT:

BÂY GIỜ TÒA ÁN RA LỆNH RẰNG:

- The above named Respondent/Defendant shall not commit any further acts of domestic violence or make any threats of domestic violence (G.S. 50B-1). Bị đơn/bị cáo có tên trên đây bị cấm tiếp tục thực hiện hay đe dọa thực hiện bất cứ hành động bạo lực nào nữa đối với người trong gia đình (G.S. 50B-1).
- The above named Respondent/Defendant shall have no contact with the Petitioner/Plaintiff. No contact includes any defendant-initiated contact, except through an attorney, direct or indirect, by means such as telephone, personal contact, email, pager, gift-giving or telefacsimile machine. [05] Bị đơn/bị cáo có tên trên đây bị cấm tiếp xúc với người nộp đơn/nguyên đơn. Lệnh cấm tiếp xúc bao gồm tất cả các hình thức tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp mà bị cáo là người chủ động, như là tiếp xúc cá nhân, qua điện thoại, email, máy nhắn, máy fax hay tặng quà, chỉ trừ việc tiếp xúc thông qua một luật sư. [05]

Additional terms of this order are as set forth on Pages 3 and 4. Các điều kiện khác liên quan đến lệnh này được ghi ở trang 3 và 4.

The terms of this order shall be effective until ,
Các điều kiện của lệnh này sẽ có hiệu lực cho đến

WARNINGS TO THE RESPONDENT/DEFENDANT:

CẢNH BÁO CHO BỊ ĐƠN/BỊ CÁO:

This order shall be enforced, even without registration, by the courts of any state, the District of Columbia, and any U.S. Territory, and may be enforced by Tribal Lands (18 U.S.C. Section 2265). Crossing state, territorial, or tribal boundaries to violate this order may result in federal imprisonment (18 U.S.C. Section 2262).

Các tòa án của tất cả các tiểu bang, Quận Columbia, bất kỳ lãnh thổ nào thuộc Hoa Kỳ, và có thể là các tòa án thuộc Vùng Đất Thổ Dân (18 U.S.C. Phần 2265) đều có quyền thi hành lệnh này cho dù lệnh có được đăng ký ở các tòa án đó hay không. Việc đi qua ranh giới của tiểu bang, lãnh thổ hay vùng thổ dân với mục đích vi phạm lệnh này có thể dẫn đến việc bị giam tù liên bang (18 U.S.C. Phần 2262).

This order will be enforced anywhere in North Carolina. Lệnh này sẽ được thi hành ở tất cả mọi nơi trong tiểu bang North Carolina.

Only the Court can change this order. The plaintiff cannot give you permission to violate this order. Tòa Án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thay đổi lệnh này. Nguyên đơn không có quyền cho phép quý vị vi phạm lệnh này.

See additional warnings on Page 4. Hãy xem các cảnh báo thêm ở trang 4.

**ADDITIONAL FINDINGS
CÁC XÁC NHẬN KHÁC**

- 1. As indicated by the check block under Respondent/Defendant's name on Page 1, the parties are or have been in a personal relationship.
- 1. Căn cứ vào thông tin được đánh dấu trong mục dưới tên của Bị Đơn/Bị Cáo ở trang 1, các đương sự đã hay đang có một mối quan hệ cá nhân với nhau.
- 2. That on (date of most recent conduct (mm/dd/yyyy)) _____, the defendant
- 2. Rằng vào (ngày xảy ra hành vi gần đây nhất (tháng/ngày/năm)) _____, bị cáo đã
 - a. attempted to cause intentionally caused bodily injury to the plaintiff the child(ren) living with or in the custody of the plaintiff
 - a. cố gắng gây cố ý gây thương tích cho nguyên đơn (các) trẻ em sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
 - b. placed in fear of imminent serious bodily injury the plaintiff a member of the plaintiff's family a member of the plaintiff's household
 - b. làm cho nguyên đơn một thành viên trong gia đình nguyên đơn một thành viên trong gia hộ của nguyên đơn cảm thấy sợ hãi là có thể bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt

(Over)
(Xem mặt sau)

- c. placed in fear of continued harassment that rises to such a level as to inflict substantial emotional distress
 the plaintiff a member of plaintiff's family a member of plaintiff's household
 c. làm cho nguyên đơn một thành viên trong gia đình nguyên đơn một thành viên trong gia hộ của nguyên đơn
 cảm thấy sợ hãi là có thể bị quấy nhiễu thường xuyên đến mức gây đau khổ tinh thần đáng kể
- d. committed an act defined in G.S. 14- 27.21 (1st deg. rape) 27.22 (2nd deg. rape) 27.26 (1st deg. sexual off.)
 27.27 (2nd deg. sexual off.) 27.33 (sexual battery) 27.31 (sexual activity by substitute parent) against
 the plaintiff a child(ren) living with or in the custody of the plaintiff by
(describe defendant's conduct)
- d. có hành vi thuộc phạm vi của các định nghĩa trong G.S. 14- 27.21 (hiếp dâm bậc 1) 27.22 (hiếp dâm bậc 2)
 27.26 (vi phạm tình dục bậc 1) 27.27 (vi phạm tình dục bậc 2) 27.33 (bạo hành tình dục) 27.31 (cha/mẹ
 nuôi vi phạm vi phạm vi tình dục) đối với nguyên đơn (các) trẻ em sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên
 đơn
(miêu tả hành vi của bị cáo)

3. The defendant is in possession of, owns or has access to firearms, ammunition, and gun permits described below. *(Describe all firearms, ammunition, gun permits and give identifying number(s) if known, and indicate where defendant keeps firearms)*
 3. Bị cáo đang giữ, sở hữu hoặc có thể dễ dàng lấy các loại súng, đạn và giấy phép mang súng được miêu tả dưới đây. *(Miêu tả tất cả các khẩu súng, đạn dược, giấy cho phép mang súng và cho biết (các) mã số nhận dạng nếu biết được cũng như chỉ ra nơi bị cáo giữ súng.)*

4. The defendant
 4. Bị cáo đã
- a. used threatened to use a deadly weapon against the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff
 a. sử dụng đe dọa sử dụng một vũ khí gây chết người để làm hại cho nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
- b. has a pattern of prior conduct involving the use threatened use of violence with a firearm against persons
 b. nhiều lần có hành vi liên quan đến việc sử dụng đe dọa sử dụng súng để gây bạo lực với người khác
- c. made threats to seriously injure or kill the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff
 c. đe dọa gây thương tích trầm trọng hay giết nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
- d. made threats to commit suicide
 d. đe dọa tự tử
- e. inflicted serious injuries upon the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff in that *(state facts)*;
 e. gây thương tích trầm trọng cho nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn, cụ thể là *(nếu ra các sự việc xảy ra)*:

5. The parties are the parents of the following child(ren) under the age of eighteen (18). The child(ren) are presently in the physical custody of the plaintiff. defendant. The plaintiff has submitted an "Affidavit As To The Status Of The Minor Child."
 5. Các đương sự là cha mẹ của (các) trẻ em dưới mười tám (18) tuổi có tên dưới đây. (Các) trẻ này hiện đang được nguyên đơn bị cáo nuôi giữ. Nguyên đơn đã nộp "Bản Khai Hữu Thệ Về Hoàn Cảnh của Trẻ Chưa Thành Niên."

NOTE TO JUDGE: A copy of AOC-CV-609 for each child must be attached to the order.

LƯU Ý DÀNH CHO THẨM PHÁN: *Lệnh phải được đính kèm một bản sao mẫu AOC-CV-609 cho mỗi trẻ.*

Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

(Over)
(Xem mặt sau)

6. The minor child(ren) is exposed to a substantial risk of physical or emotional injury or sexual abuse in that:
6. (Các) trẻ em chưa thành niên có nhiều nguy cơ bị thương tổn thể chất, tinh thần hay lạm dụng tình dục, bởi vì:
7. It is in the best interest of and necessary for the safety of the minor child(ren) that defendant stay away from the minor child(ren) that the defendant return the minor child(ren) to plaintiff and that the defendant not remove the minor child(ren) from plaintiff in that:
7. Điều tốt nhất và cần thiết để đảm bảo an toàn cho (các) trẻ em chưa thành niên là bị cáo phải tránh xa (các) trẻ em chưa thành niên bị cáo phải giao lại (các) trẻ em chưa thành niên cho nguyên đơn và bị cáo không được phép đưa (các) trẻ em chưa thành niên đi khỏi nơi ở của nguyên đơn, cụ thể như sau:
8. (Check block only if plaintiff is entitled to physical care of child(ren).) It is in the best interest of the minor child(ren) that defendant have contact with the minor child(ren) in that:
8. (Chỉ đánh dấu vào mục này nếu nguyên đơn có quyền nuôi giữ (các) trẻ em.) Điều tốt nhất cho (các) trẻ em chưa thành niên là bị cáo được phép tiếp xúc với chúng, cụ thể như sau:
9. The defendant plaintiff is presently in possession of the parties' residence at
9. Hiện tại bị cáo nguyên đơn đang sống ở nhà chung của hai đương sự tại địa chỉ _____
10. The defendant plaintiff is presently in possession of the parties' vehicle. (describe vehicle)
10. Hiện tại bị cáo nguyên đơn đang giữ xe chung của hai đương sự. (miêu tả chiếc xe) _____
11. Other: (specify)
11. Xác nhận khác: (cho biết cụ thể)
12. (for magistrate only) This matter was heard at a time when the district court was not in session and a district court judge was not available and would not be available for a period of four or more hours.
12. (Chỉ dành cho các vụ do quan tòa xem xét) Vụ này được xem xét vào lúc tòa án khu vực không làm việc nên một thẩm phán tòa án khu vực đã không có mặt vào lúc cần xem xét cũng như không thể có mặt trong ít nhất bốn tiếng.

**CONCLUSIONS
CÁC KẾT LUẬN**

Based on these facts, the Court makes the following conclusions of law:

Căn cứ vào những sự việc nêu trên, Tòa Án có các kết luận về luật pháp như sau:

1. The defendant has committed acts of domestic violence against the plaintiff.
1. Bị cáo đã có hành vi bạo lực gia đình bất hợp pháp đối với nguyên đơn.
2. The defendant has committed acts of domestic violence against the minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff.
2. Bị cáo đã có hành vi bạo lực gia đình đối với (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn.
3. It clearly appears that there is a danger of acts of domestic violence against the plaintiff. minor child(ren).
[G.S. 50B-2(c)]
3. Rõ ràng là nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên đang gặp nguy cơ bị bạo lực gia đình. [G.S. 50B-2(c)]
4. The minor child(ren) is exposed to a substantial risk of physical injury. emotional injury sexual abuse.
[G.S. 50B-2(c)]
4. (Các) trẻ em chưa thành niên có nhiều nguy cơ bị thương tổn thể chất. thương tổn tinh thần. lạm dụng tình dục. [G.S. 50B-2(c)]
5. The Court has jurisdiction under the Uniform Child Custody Jurisdiction And Enforcement Act.
5. Tòa Án có thẩm quyền xét xử chiếu theo Điều Luật Thống Nhất về Thẩm Quyền Xét Xử và Thi Hành Lệnh Giám Hộ Trẻ Em.
6. It is in the best interest of and necessary for the safety of the minor child(ren) that the defendant stay away from the minor child(ren). (and) return the minor child(ren) to the physical care of the plaintiff. (and) not remove the minor child(ren) from the physical care of the plaintiff.
6. Điều tốt nhất và cần thiết để đảm bảo an toàn cho (các) trẻ em chưa thành niên là bị cáo phải tránh xa (các) trẻ em chưa thành niên. (và) phải giao lại (các) trẻ em chưa thành niên cho nguyên đơn nuôi giữ. (và) không được phép đưa (các) trẻ em chưa thành niên đi khỏi nơi mà nguyên đơn đang nuôi giữ chúng.

(Over)
(Xem mặt sau)

7. The defendant's conduct requires that he/she surrender all firearms, ammunition and gun permits. [G.S. 50B-3.1]
7. Vi hành vi của bị cáo nên bị cáo phải giao nộp tất cả các loại súng, đạn và giấy phép mang súng. [G.S. 50B-3.1]
8. The plaintiff has failed to prove grounds for ex parte relief.
8. Nguyên đơn chưa chứng minh được là có đủ cơ sở để ban hành lệnh đơn phương.

ORDER
ÁN LỆNH

It is ORDERED that:

Tòa RA LỆNH rằng:

1. the defendant shall not assault, threaten, abuse, follow, harass (by telephone, visiting the home or workplace or other means), or interfere with the plaintiff. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. [01]
1. bị cáo không được phép hành hung, đe dọa, ngược đãi, theo dõi, quấy nhiễu (bằng điện thoại, trực tiếp đến nhà ở/sở làm hay bằng cách khác) hoặc làm phiền cho nguyên đơn. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. [01]
2. the defendant shall not assault, threaten, abuse, follow, harass (by telephone, visiting the home or workplace or other means), or interfere with the minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. [01]
2. bị cáo không được phép hành hung, đe dọa, ngược đãi, theo dõi, quấy nhiễu (bằng điện thoại, trực tiếp đến nhà ở/sở làm hay bằng cách khác) hoặc làm phiền cho (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. [01]
3. the defendant shall not threaten a member of the plaintiff's family or household. [02]
3. bị cáo không được phép đe dọa một thành viên trong gia đình hay gia hộ của nguyên đơn. [02]
- 3a. the defendant shall not cruelly treat or abuse an animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household.
3a. bị cáo không được phép ngược đãi hay đối xử tàn nhẫn với một con vật mà nguyên đơn, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ của họ đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.
4. the plaintiff is granted possession of, and the defendant is excluded from, the parties' residence described above and all personal property located in the residence except for the defendant's personal clothing, toiletries and tools of trade. [03]
4. nguyên đơn được quyền ở, và bị cáo không được phép vào, căn nhà chung nêu trên của hai đương sự, cũng như được quyền cầm giữ tất cả tài sản cá nhân ở trong nhà, trừ quần áo, dụng cụ vệ sinh cá nhân và đồ nghề riêng của bị cáo. [03]
5. any law enforcement agency with jurisdiction shall evict the defendant from the residence and shall assist the plaintiff in returning to the residence. [08]
5. bất cứ cơ quan nào có thẩm quyền thi hành luật pháp đều phải trục xuất bị cáo ra khỏi nhà và giúp nguyên đơn trở lại nhà. [08]
6. the plaintiff [08] defendant [08] is entitled to get personal clothing, toiletries, and tools of trade from the parties' residence. A law enforcement officer shall assist the plaintiff defendant in returning to the residence to get these items.
6. nguyên đơn [08] bị cáo [08] có quyền lấy quần áo, dụng cụ vệ sinh cá nhân và đồ nghề riêng của mình từ nhà chung của hai đương sự. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ giúp nguyên đơn bị cáo trở lại nhà để lấy những đồ này.
- 6a. the plaintiff is granted the care, custody, and control of any animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household.
6a. nguyên đơn được giao quyền chăm sóc, nuôi giữ và kiểm soát bất cứ con vật nào mà nguyên đơn, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ của họ đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.
7. the defendant shall stay away from the plaintiff's residence or any place where the plaintiff receives temporary shelter. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. [04]
7. bị cáo phải tránh xa nơi ở của nguyên đơn cũng như bất cứ nơi nào mà nguyên đơn đang tạm trú. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. [04]
8. the defendant shall stay away from the following places:
8. bị cáo phải tránh xa những nơi liệt kê dưới đây:
- a. the place where the plaintiff works. [04].
a. nơi làm việc của nguyên đơn. [04].
- b. any school(s) the child(ren) attend. [04]
b. bất cứ (các) trường nào mà (các) trẻ em đang theo học. [04]
- c. the place where the child(ren) receives day care. [04]
c. nơi trông giữ (các) trẻ em. [04]
- d. the plaintiff's school. [04]
d. trường học của nguyên đơn. [04]
- e. Other: (name other places) [04]
e. Nơi khác: (cho biết những nơi khác) [04] _____

(Over)
(Xem mặt sau)

The sheriff must deliver a copy of this order to the principal or the principal's designee at the following school(s): (name schools)
Cảnh sát trưởng quận/hạt phải đưa một bản sao của lệnh này đến hiệu trưởng hoặc người được hiệu trưởng chỉ định tại (các) trường sau đây: (cho biết tên trường)

9. the plaintiff is granted possession and use of the vehicle described in Block No. 10 of the Findings on Page 3. [08]
9. nguyên đơn được quyền giữ và sử dụng chiếc xe được miêu tả trong mục số 10 của phần Các Xác Nhận ở trang 3. [08]
10. The plaintiff is awarded temporary custody of the minor child(ren) (Check any of a, b, or c that apply.)
10. nguyên đơn được giao quyền giám hộ tạm thời đối với (các) trẻ em chưa thành niên (Đánh dấu vào câu a, b, hay c nếu thích hợp.)
- a. and the defendant is ordered to stay away from the minor child(ren).
a. và bị cáo phải tránh xa (các) trẻ em chưa thành niên.
- b. and the defendant is ordered to immediately return the minor child(ren) to the care of the plaintiff.
b. và bị cáo phải ngay lập tức giao lại (các) trẻ em chưa thành niên cho nguyên đơn nuôi giữ.
- c. and the defendant is ordered not to remove the minor child(ren) from the care of the plaintiff.
c. và bị cáo bị cấm đưa (các) trẻ em chưa thành niên đi khỏi nơi mà nguyên đơn đang nuôi giữ chúng.
11. (If No. 10 is checked and you are allowing visitation to defendant) The defendant is allowed the following contact with the minor child(ren):
11. (Nếu đánh dấu vào mục số 10 và quý vị cho phép bị cáo đến thăm trẻ em) Bị cáo được phép tiếp xúc với (các) trẻ em chưa thành niên theo cách sau đây:
12. the defendant is prohibited from possessing or receiving [07] purchasing a firearm for the effective period of this Order [07] and the defendant's concealed handgun permit is suspended for the effective period of this Order. [08]
 The defendant is a law enforcement officer/member of the armed services and may may not possess or use a firearm for official use.
12. bị cáo bị cấm giữ hay nhận [07] mua súng trong suốt thời hạn hiệu lực của lệnh này [07] và giấy cho phép mang súng giấu trong người của bị cáo bị treo trong suốt thời hạn hiệu lực của Lệnh này. [08]
 Bị cáo là nhân viên thi hành luật pháp/nhân viên quân đội và được phép không được phép giữ hay sử dụng súng cho các mục đích công việc.
13. the defendant surrender to the Sheriff serving this order the firearms, ammunition, and gun permits described in Number 3 of the Findings on Page 2 of this Order and any other firearms and ammunition in the defendant's care, custody, possession, ownership or control. **NOTE TO DEFENDANT: You must surrender these items to the serving officer at the time this Order is served on you. If the weapons cannot be surrendered at that time, you must surrender them to the sheriff within 24 hours at the time and place specified by the sheriff. Failure to surrender the weapons and permits as ordered or possessing, purchasing, or receiving a firearm, ammunition or permits to purchase or carry concealed firearms after being ordered not to possess firearms, ammunition or permits is a crime. See "Notice To Parties: To The Defendant" on Page 4 of this Order for information regarding the penalty for these crimes and instructions on how to request return of surrendered weapons.**
13. bị cáo phải nộp cho cảnh sát trưởng quận/hạt, là người tổng đạt lệnh này, các loại súng, đạn và giấy phép mang súng được liệt kê trong mục số 3 của phần Các Xác Nhận ở trang 2 của Lệnh này cũng như bất cứ khẩu súng, đạn được nào khác mà bị cáo đang quản lý, trông coi, cầm giữ, sở hữu hay kiểm soát. **LƯU Ý DÀNH CHO BỊ CÁO: Quý vị phải nộp các món đồ kể trên cho cảnh sát viên tổng đạt Lệnh này cho quý vị vào lúc nhận Lệnh. Nếu quý vị không thể nộp vũ khí ngay lúc đó thì phải mang nộp chúng cho cảnh sát trưởng quận/hạt trong vòng 24 tiếng tại thời điểm và địa điểm được cảnh sát trưởng chỉ định. Nếu quý vị không nộp các vũ khí và giấy phép theo lệnh, hoặc quý vị cầm giữ, mua hay nhận súng, đạn hay giấy phép để mua hay mang súng giấu trong người sau khi quý vị đã nhận lệnh cấm súng đạn và giấy phép, thì đó là hành vi phạm tội hình sự. Hãy xem phần "Thông Báo Cho Các Đương Sự: Thông Báo Cho Bị Cáo" ở trang 4 của Lệnh này để biết thông tin về hình phạt quy định cho các tội này và được hướng dẫn cách yêu cầu trả lại những vũ khí đã nộp.**
14. the request for Ex Parte Order is denied.
14. đơn xin lệnh đơn phương bị bác bỏ.
15. Other: (specify) [08]
15. Lệnh khác: (nếu rõ) [08]

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature
Chữ ký

District Court Judge
Thẩm Phán Tòa An Khu Vực

Designated Magistrate
Quan Tòa Được Chỉ Định

NOTE TO PLAINTIFF: If the judge signs this Order and gives it to you, take it to the Clerk's office immediately. If the magistrate signs this Order and gives it to you, follow the magistrate's directions.

LƯU Ý DÀNH CHO NGUYÊN ĐƠN: Nếu thẩm phán ký tên vào Lệnh này và đưa cho quý vị, hãy đem đến phòng Lục Sự ngay. Nếu quan tòa ký tên vào Lệnh này và đưa cho quý vị, hãy làm theo hướng dẫn của quan tòa.

NOTE TO CLERK: Give or mail a copy of this Order to the plaintiff and to the appropriate local law enforcement agency. Send copies to sheriff with Notice Of Hearing, Complaint and Summons for service on defendant. Send extra copies to the sheriff if required to deliver copy(ies) to the child(ren)'s school.

LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: Đưa trực tiếp hay gửi qua bưu điện một bản sao của Lệnh này cho nguyên đơn và cơ quan thi hành luật pháp thích hợp. Gửi bản sao cho cảnh sát trưởng quận/hạt cùng với Thông Báo Phiên Tòa, Đơn Khiếu Tố và Trát Mời Hầu Tòa để họ có thể tổng đạt cho bị cáo. Gửi thêm một vài bản sao cho cảnh sát trưởng quận/hạt nếu cần đưa bản sao cho trường của (các) trẻ em.

(Over)
(Xem mặt sau)

NOTICE TO PARTIES THÔNG BÁO CHO CÁC ĐƯƠNG SỰ

TO THE DEFENDANT: THÔNG BÁO CHO BỊ CÁO:

1. If this Order prohibits you from possessing, receiving or purchasing a firearm and you violate or attempt to violate that provision, you may be charged with a Class H felony pursuant to North Carolina G.S. 14-269.8 and may be imprisoned for up to 39 months.
1. Nếu Lệnh này cấm quý vị cầm giữ, nhận hay mua súng và quý vị vi phạm hoặc có ý định vi phạm quy định đó thì quý vị có thể bị truy tố tội đại hình bậc H chiếu theo điều G.S. 14-269.8 của North Carolina và có thể bị giam tù đến tối đa 39 tháng.
2. If you have been ordered to surrender firearms, ammunition, and gun permits and you fail to surrender them as required by this Order, or if you failed to disclose to the Court all information requested about possession of these items or provide false information about any of these items you may be charged with a Class H felony and may be imprisoned for up to 39 months. If you surrendered your firearms, ammunition, and permits, you may file a motion for the return of weapons with the clerk of court in the county in which this Order was entered when the protective order is no longer in effect, except if at the time this Order expires criminal charges, in either state or federal court, are pending against you alleged to have been committed against the person who is protected by this order, you may not file for return of the firearms until final disposition of the criminal charges. The form, "Motion For Return Of Weapons Surrendered Under Domestic Violence Protective Order" AOC-CV-319, is available from the clerk of court's office. The motion must be filed not later than 90 days after the expiration of the Order that requires you to surrender the firearms or if you have pending criminal charges alleged to have been committed against the person who is protected by the domestic violence protection order, the motion must be filed not later than 90 days after final disposition of the criminal charges. At the time you file the motion, the clerk will schedule a hearing before the district court for a judge to determine whether to return the weapons to you. The sheriff cannot return your weapons unless the Court orders the sheriff to do so. You must pay the sheriff's storage fee before the sheriff returns your weapons. If you fail to file a motion for return of the weapons within 90 days after the expiration of this Order, or the final disposition of criminal charges pending at the time this Order expired, or if you fail to pay the storage fees within 30 days after the Court enters an order to return your weapons, the sheriff may seek an order from the Court to dispose of your weapons.
2. Nếu quý vị được lệnh phải giao nộp các khẩu súng, đạn dược và giấy phép mang súng nhưng quý vị không nộp chúng theo Lệnh này, hoặc quý vị không khai với Tòa Án đầy đủ thông tin được yêu cầu về các món đồ kể trên mà quý vị hiện có, hoặc quý vị khai sai sự thật về bất cứ món đồ nào kể trên thì quý vị có thể bị truy tố tội đại hình bậc H và bị giam tù đến tối đa 39 tháng. Nếu quý vị đã giao nộp các khẩu súng, đạn dược và giấy phép thì quý vị có thể nộp kiến nghị với lục sự Tòa Án ở quận/hạt nơi ban hành Lệnh này để yêu cầu được trả lại vũ khí của mình khi lệnh bảo vệ đã hết hiệu lực, trừ phi vào thời điểm Lệnh hết hiệu lực quý vị đang chờ xét xử các tội hình sự ở tòa án tiểu bang hay liên bang vì bị cho là có hành vi phạm tội đối với người được bảo vệ theo Lệnh này. Trong trường hợp đó quý vị phải chờ đến khi các tội hình sự đó được giải quyết xong thì mới nộp đơn yêu cầu được trả lại súng. Mẫu "Kiến Nghị Được Trả Lại Vũ Khí Đã Giao Nộp Theo Lệnh Bảo Vệ Vì Bạo Lực Gia Đình" AOC-CV-319 có sẵn tại phòng lục sự Tòa Án. Kiến nghị này phải được nộp muộn nhất là 90 ngày sau ngày hết hạn ghi trong Lệnh bắt quý vị nộp súng; hoặc nếu quý vị đang chờ xét xử các tội hình sự vì bị cho là có hành vi phạm tội đối với người được bảo vệ theo lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình này thì phải nộp kiến nghị muộn nhất là 90 ngày sau ngày giải quyết xong các tội hình sự đó. Khi quý vị nộp kiến nghị, lục sự sẽ lên lịch phiên tòa trên tòa án khu vực để một thẩm phán xác định xem có nên trả vũ khí lại cho quý vị hay không. Cảnh sát trưởng quận/hạt không thể trả lại các vũ khí của quý vị trừ phi có lệnh của Tòa Án cho phép làm việc đó. Quý vị phải trả lệ phí lưu kho trước khi cảnh sát trưởng quận/hạt trả lại vũ khí cho quý vị. Nếu quý vị không nộp kiến nghị yêu cầu được trả lại vũ khí trong vòng 90 ngày kể từ ngày hết hạn của Lệnh này hoặc kể từ ngày giải quyết xong các tội hình sự còn trong vòng xét xử vào lúc Lệnh hết hạn, hoặc nếu quý vị không trả đầy đủ các lệ phí lưu kho trong vòng 30 ngày sau khi Tòa Án ra lệnh trả lại vũ khí cho quý vị, thì cảnh sát trưởng quận/hạt có thể yêu cầu Tòa Án ra lệnh cho phép họ xử lý vũ khí của quý vị.

TO THE PLAINTIFF: THÔNG BÁO CHO NGUYÊN ĐƠN:

1. You should keep a copy of this order on you at all times and should make copies to give to your friends and family. If you move to another county or state, you may wish to give a copy to the law enforcement agency where you move, but you are not required to do so.
1. Quý vị cần luôn luôn giữ một bản sao của Lệnh này trong người và làm các bản sao khác để đưa cho bạn bè và gia đình. Nếu quý vị chuyển đến một quận/hạt hay tiểu bang khác, quý vị có thể đưa một bản sao cho cơ quan thi hành luật pháp tại nơi đó nhưng không bắt buộc phải làm như vậy.
2. The court or judge is the only one that can make changes to this order. If you wish to change any of the terms of this order, you must come back into court to have the judge modify the order.
2. Tòa Án và thẩm phán là những người duy nhất có thẩm quyền thay đổi Lệnh này. Nếu quý vị muốn thay đổi bất cứ quy định nào trong Lệnh thì phải trở lại Tòa Án và yêu cầu thẩm phán thay đổi Lệnh.

(Over)
(Xem mặt sau)

3. If the defendant violates any provision of this order, you may call a law enforcement officer or go to a magistrate to charge the defendant with the crime of violating a protective order. You also may go to the Clerk of Court's office in the county where the protective order was issued and ask to fill out form AOC-CV-307, Motion For Order To Show Cause Domestic Violence Protective Order, to have an order issued for the defendant to appear before a district court judge to be held in contempt for violating the order.
3. Nếu bị cáo vi phạm bất cứ quy định nào trong Lệnh này, quý vị có thể gọi điện cho nhân viên thi hành luật pháp hoặc đến gặp quan tòa để yêu cầu bị cáo bị truy tố tội vi phạm lệnh bảo vệ. Quý vị cũng có thể đến phòng Lục Sự Tòa Án ở quận/hạt nơi ban hành lệnh bảo vệ và yêu cầu họ cho quý vị điền vào mẫu AOC-CV-307, Kiến Nghị Ra Lệnh Hầu Tòa Để Trình Bày Lý Do Đối Với Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Gia Đình, và tòa án sẽ ra lệnh cho bị cáo phải ra trước một thẩm phán của tòa án khu vực để bị xử có tội coi thường tòa án vì vi phạm Lệnh.

**CERTIFICATION
CHỨNG NHẬN**

I certify this order is a true copy.
Tôi chứng nhận rằng đây là bản sao y bản chính của án lệnh.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT	<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ tá LSTTT
		<input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	

**RETURN OF SERVICE
HỒI BÁO SAU KHI TỔNG ĐẠT**

NOTE: To be used when Magistrate issues ex parte protective order and order will be served on defendant separate from the complaint and civil summons. If complaint and summons are served with order, return on summons covers order.

LƯU Ý: Sử dụng phần này khi Quan Tòa ban hành lệnh đơn phương và lệnh đó sẽ được tổng đạt cho bị cáo không kèm theo đơn khiếu tố và trát mời hầu tòa dân sự. Nếu đơn khiếu tố và trát mời hầu tòa được tổng đạt cùng với lệnh, chỉ cần điền phần hồi báo của trát hầu tòa là đủ để hồi báo cho lệnh.

I certify that this Ex Parte Domestic Violence Order of Protection was received and served as follows:
Tôi chứng nhận rằng Lệnh Bảo Vệ Đơn Phương vi Bạo Lực Gia Đình này đã được giao nhận và tổng đạt như sau:

Date Served (mm/dd/yyyy) Ngày tổng đạt (tháng/ngày/năm)	Time Served Giờ tổng đạt	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều	Name Of Defendant Tên bị cáo
--	-----------------------------	---	---------------------------------

- By delivering to the defendant named above a copy of the order.
Một bản sao của án lệnh này được giao trực tiếp cho bị cáo nêu tên trên đây.
- By leaving a copy of the order at the dwelling house or usual place of abode of the defendant named above with a person of suitable age and discretion then residing therein.
Một bản sao của án lệnh này được gửi nhờ cho một người có đủ tuổi và ý thức thận trọng sống tại nhà ở hay nơi thường trú của bị cáo nêu tên trên đây.

Name And Address Of Person With Whom Copies Left
Tên và địa chỉ của người được gửi nhờ các bản sao

- Other manner of service on the defendant (specify)
Án lệnh được tổng đạt cho bị cáo bằng cách khác (nếu rõ)

- Defendant WAS NOT served for the following reason.
Bị cáo KHÔNG được tổng đạt án lệnh này vì lý do sau.

Date Received (mm/dd/yyyy) Ngày nhận (tháng/ngày/năm)	Signature Of Deputy Sheriff Making Return Chữ ký của Cảnh Sát Quận/Hạt hồi báo
Date Of Return (mm/dd/yyyy) Ngày hồi báo (tháng/ngày/năm)	Name Of Deputy Sheriff Making Return (type or print) Tên của Cảnh Sát Quận/Hạt Hồi Báo (đánh máy hay viết chữ in)
County Of Sheriff Cảnh Sát thuộc quận/hạt nào	